

BỘ CÔNG THƯƠNG

BÀI TẬP TÌNH HUỐNG:
TRA CỨU VÀ THỰC THI CAM KẾT TRONG LĨNH VỰC
DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ



**Nguyễn Thị Lan Phương, Phó trưởng phòng WTO và Đàm phán thương mại,
Vụ CSTM Đa biên, Bộ Công Thương**

CÁC BƯỚC LÀM BÀI TẬP TÌNH HUỐNG

1

Bước 1: Xác định **các FTAs có liên quan** giữa Việt Nam và quốc gia nơi nhà đầu tư nước ngoài đang xin cấp phép → **Lựa chọn FTA** áp dụng

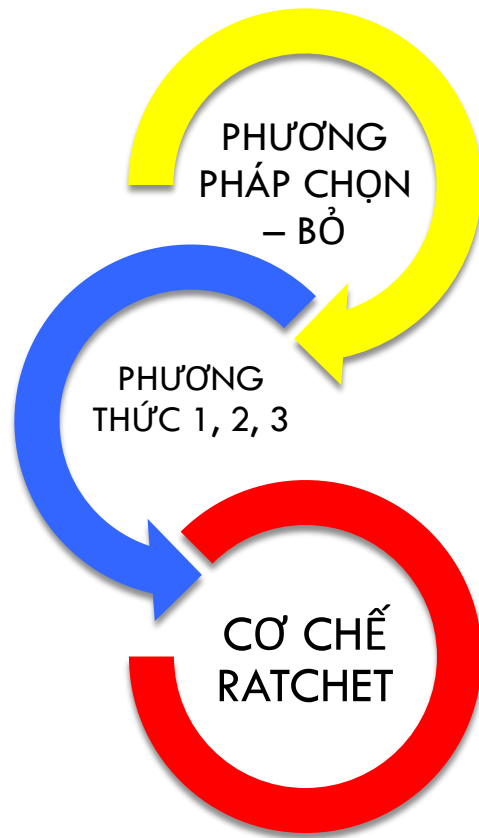
2

Bước 2: Xác định **tên dịch vụ và phương thức cung cấp dịch vụ** trong tình huống liên quan

3

Bước 3: Xác định **nội dung cam kết** có liên quan của Việt Nam đối với dịch vụ và phương thức cung cấp dịch vụ đó trong Danh mục NCM thông qua tra cứu **từ khóa về tên dịch vụ** đã được xác định

CẦN LƯU Ý GÌ KHI TRA CỨU PHỤ LỤC I VÀ II DANH MỤC NCM VỀ DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ



TRA CỨU THÔNG TIN CPTPP VỀ DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ

❖ Website: <http://cptpp.moit.gov.vn/>



CPTPP là gì?

Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương gọi tắt là Hiệp định CPTPP, là một hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, gồm 11 nước thành viên là: Ôt-xtrây-li-a, Bru-nây, Ca-na-đa, Chi-lê, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Mê-hi-cô, Niu Di-lân, Pê-ru, Xinh-ga-po và Việt Nam.

Hiệp định đã được ký kết ngày 08 tháng 3 năm 2018 tại thành phố San-ti-a-gô, Chi-lê, và chính thức có hiệu lực từ ngày 30 tháng 12 năm 2018 đối với nhóm 6 nước đầu tiên hoàn tất thủ tục phê chuẩn Hiệp định gồm Mê-hi-cô, Nhật Bản, Xinh-ga-po, Niu Di-lân, Ca-na-đa và Ôt-xtrây-li-a. Đối với Việt Nam, Hiệp định có hiệu lực từ ngày 14 tháng 01 năm 2019.

[XEM THÊM >](#)



TRA CỨU THÔNG TIN CPTPP VỀ DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ

❖ Website: <http://cptpp.moit.gov.vn/>

VĂN KIẾN HIỆP ĐỊNH

- Lời văn của Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)
- Lời văn các chương của hiệp định
- Phụ lục 2D – Cam kết hàng hoá của các nước
- Phụ lục 3 và 4 – Quy tắc xuất xứ và Dệt may
- Phụ lục I - NCM
- Phụ lục II - NCM
- Phụ lục III – Dịch vụ tài chính
- Phụ lục IV – Doanh nghiệp Nhà nước
- Phụ lục 12 – Nhập cảnh tạm thời cho khách kinh doanh

Phụ lục I - NCM

- Ghi chú giải thích (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Ôt-xtrây-li-a (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Bru-nây (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Ca-na-đa (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Chi-lê (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Ma-lai-xia (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Mê-hi-cô (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Niu Di-lân (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Nhật Bản (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Pé-ru (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Xinh-ga-po (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Việt Nam (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)

Phụ lục II - NCM

- Ghi chú giải thích (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)

CẤU TRÚC CỦA DANH MỤC NCM DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ

	Sector:	Distribution services
	Sub-Sector:	
	Obligations Concerned:	National Treatment (Article 9.4)
	Level of Government:	Central
	Measures:	<i>Decree No. 23/2007/QĐ-CP dated 12 February 2007 Circular No. 09/2007/TT-BTM dated 17 July 2007 Circular No. 05/2008/TT-BCT dated 14 April 2008 Decision No. 10/2007/QĐ-BTM dated 21 May 2007</i>
	Description:	<u>Investment</u> The establishment of outlets for retail services (beyond the first one) shall be allowed on the basis of an Economic Needs Test (ENT). Applications to establish more than one outlet shall be subject to pre-established publicly available procedures, and approval shall be based on objective criteria. The main criteria of the ENT include the number of existing service suppliers in a particular geographic area, the stability of market and geographic scale. The establishment of outlets for retail services with area of less than 500 square metres in areas that are planned for commercial activities by the People's Committee of cities and provinces, and on which the construction of infrastructure has been finished, is not subject to the ENT requirement. Five years after the date of entry into force of this Agreement for Viet Nam, the ENT shall be removed and this entry shall no longer have effect.]

CẤU TRÚC CỦA DANH MỤC NCM DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ

Sector:	All
Sub-Sector:	
Obligations Concerned:	National Treatment (Article 9.4) Most-Favoured-Nation Treatment (Article 9.5) Performance Requirements (Article 9.10) Senior Management and Boards of Directors (Article 9.11)
Description:	<u>Investment</u> Viet Nam reserves the right to adopt or maintain any measure relating to land ownership.
Existing Measures:	Law No. 45/2013/QSNG on Land dated 29 November 2013 and its implementing regulations.

TRA CỨU THÔNG TIN CPTPP LIÊN QUAN TỚI PHƯƠNG THỨC 4

❖ Website: <http://cptpp.moit.gov.vn/>



TIN TỨC

TỔNG QUAN

CAM KẾT CHÍNH

VĂN KIẾN HIỆP ĐỊNH

HỘI ĐỒNG VÀ CÁC ỦY BAN

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

VBPL THỰC HIỆN

CÂU HỎI THƯỜNG GẶP

VĂN KIẾN HIỆP ĐỊNH

- Lời văn của Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)
- Lời văn các chương của hiệp định
- Phụ lục 2D – Cam kết hàng hoá của các nước
- Phụ lục 3 và 4 – Quy tắc xuất xứ và Dệt may
- Phụ lục I - NCM
- Phụ lục II - NCM
- Phụ lục III – Dịch vụ tài chính

- Niu Di-lân (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Pê-ru (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Việt Nam (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)

Phụ lục 12 – Nhập cảnh tạm thời cho khách kinh doanh

- Ôt-xtrây-lia (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Bru-nây (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Ca-na-đa (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Chi-lê (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Ma-lai-xia (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Mê-hi-cô (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Niu Di-lân (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Nhật Bản (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Pê-ru (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Xinh-ga-po (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)
- Việt Nam (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)

CẤU TRÚC CỦA BIỂU CAM KẾT CỦA CHƯƠNG 12 LIÊN QUAN TỚI PHƯƠNG THỨC 4

<u>Định nghĩa:</u> Người di chuyển nội bộ doanh nghiệp bao gồm người quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia của doanh nghiệp của một Bên khác, đã thành lập hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam, di chuyển tạm thời trong nội bộ doanh nghiệp sang hiện diện thương mại này, và là những người đã được doanh nghiệp tuyển dụng trước đó ít nhất một năm. Để rõ ràng hơn, (a) Người quản lý và giám đốc điều hành là những người chỉ đạo về cơ bản việc quản lý các doanh nghiệp đã thành lập hiện diện thương mại ở Việt Nam, chỉ chịu sự giám sát	Những người này sẽ được nhập cảnh và tạm trú trong thời gian ban đầu là ba năm và có thể được gia hạn tùy thuộc vào thời gian hoạt động của hiện diện thương mại đó ở Việt Nam. Đối với bất kỳ hiện diện thương mại nào được doanh nghiệp của một Bên khác thành lập trên lãnh thổ Việt Nam, <u>tối thiểu 20% tổng số người quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia phải là công dân Việt Nam.</u> Tuy nhiên, cho phép ít nhất 3 người quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia không phải người Việt Nam.
--	---



TÌNH HUỐNG SỐ 1

Năm 2022, Công ty Viễn Đông muốn thành lập liên doanh với công ty vận tải biển của Ôt-xtrây-li-a để cung cấp dịch vụ vận tải biển và các dịch vụ có liên quan tại Việt Nam. Vốn góp của bên nước ngoài trong liên doanh là 51%. Phạm vi các dịch vụ xin phép được cung cấp bao gồm:

- Cung cấp dịch vụ vận tải biển, trừ dịch vụ vận tải biển nội địa, bằng tàu mang cờ quốc tịch Việt Nam để cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức;
- Thay mặt công ty vận tải biển nước ngoài tổ chức cho tàu vào cảng hoặc tiếp nhận hàng khi có yêu cầu;
- Đàm phán và ký kết hợp đồng vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa liên quan đến hàng hóa do công ty vận tải biển nước ngoài này vận chuyển.
- Trong thời gian hoạt động ban đầu, công ty dự định thuê thuyền trưởng người Việt Nam và một đội ngũ thuyền viên Việt Nam chiếm 2/3 định biên của tàu.

Cơ quan có thẩm quyền cấp phép của tỉnh A quyết định cấp phép cho việc thành lập Công ty liên doanh giữa Viễn Đông và Công ty vận tải biển của Ôt-xtrây-li-a. Vậy quyết định này là **đúng hay sai?**



HƯỚNG DẪN GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG SỐ 1

1

WTO, AANZFTA, CPTPP

2

- Dịch vụ vận tải biển và dịch vụ đại lý tàu biển thuộc dịch vụ vận tải biển; - Phương thức cung cấp dịch vụ là phương thức 3.

3

- Đối với CPTPP: Chương 9-Đầu tư, Chương 10- Thương mại dịch vụ xuyên biên giới, Danh mục NCM- Phụ lục I và II (Tìm biểu cam kết của Việt Nam);

Các từ khóa tra cứu là gì? – “Tất cả các ngành”, “Dịch vụ vận tải biển” và “Dịch vụ đại lý tàu biển” thuộc dịch vụ hỗ trợ vận tải biển;



HƯỚNG DẪN GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG SỐ 1 BƯỚC 2

11. TRANSPORT SERVICES Maritime Transport Services

- | | | |
|----|--|--------|
| a. | Passenger transportation | 7211 |
| b. | Freight transportation | 7212 |
| c. | Rental of vessels with crew | 7213 |
| d. | Maintenance and repair of vessels | 8868** |
| e. | Pushing and towing services | 7214 |
| f. | Supporting services for maritime transport | 745** |



HƯỚNG DẪN GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG SỐ 1

BƯỚC 2

Chương 1

ĐẠI LÝ TÀU BIỂN VÀ MÔI GIỚI HÀNG HẢI

Mục 1. ĐẠI LÝ TÀU BIỂN

Điều 235. Đại lý tàu biển

Đại lý tàu biển là dịch vụ mà người **đại lý tàu biển** nhân danh chủ tàu hoặc người khai thác tàu tiến hành các dịch vụ liên quan đến tàu biển hoạt động tại cảng, bao gồm: việc thực hiện các thủ tục tàu biển đến, rời cảng; ký kết hợp đồng vận chuyển, hợp đồng bảo hiểm hàng hải, hợp đồng bốc dỡ hàng hóa, hợp đồng thuê tàu, hợp đồng thuê thuyền viên; ký phát vận đơn hoặc chứng từ vận chuyển tương đương; cung ứng vật tư, nhiên liệu, thực phẩm, nước sinh hoạt cho tàu biển; trình kháng nghị hàng hải; thông tin liên lạc với chủ tàu hoặc người khai thác tàu; dịch vụ liên quan đến thuyền viên; thu, chi các khoản tiền liên quan đến hoạt động khai thác tàu; giải quyết tranh chấp về hợp đồng vận chuyển hoặc về tai nạn hàng hải và dịch vụ khác liên quan đến tàu biển.

Điều 236. Người **đại lý tàu biển**

1. Người **đại lý tàu biển** là người được người ủy thác chỉ định làm đại diện để tiến hành dịch vụ **đại lý tàu biển** theo ủy thác của người ủy thác tại cảng biển.
2. Người **đại lý tàu biển** có thể thực hiện dịch vụ **đại lý tàu biển** cho người thuê vận chuyển, người thuê tàu hoặc những người khác có quan hệ hợp đồng với chủ tàu hoặc người khai thác tàu, nếu được chủ tàu hoặc người khai thác tàu đồng ý.



HƯỚNG DẪN GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG SỐ 1 BƯỚC 3

Ngành: Dịch vụ vận tải biển

Phân ngành: Vận tải hành khách (CPC 7211)
Vận tải hàng hóa (CPC 7212)

Nghĩa vụ liên quan: Đối xử quốc gia (Điều 9.4)
Nhân sự cấp cao (Điều 9.10)

Cấp chính phủ: Quốc gia

Biện pháp: Biện pháp hành chính

Mô tả: Đầu tư

Không được đầu tư nước ngoài để cung cấp dịch vụ vận tải hành khách và vận tải hàng hóa bằng đội tàu treo cờ Việt Nam ngoại trừ thông qua liên doanh hoặc mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam, với phần vốn góp của bên nước ngoài không vượt quá 49%. Ngoài ra, thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu không được vượt quá 1/3 tổng số thuyền viên. Thuyền trưởng hoặc thuyền phó thứ nhất phải là công dân Việt Nam.



HƯỚNG DẪN GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG SỐ 1 BƯỚC 3

Ngành: Dịch vụ hỗ trợ vận tải biển

Liên ngành: Dịch vụ **đại lý tàu biển**

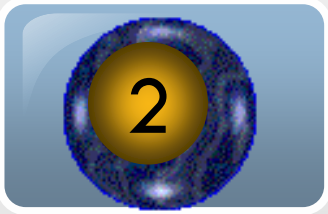
Chủ thể liên quan: Đối xử quốc gia (Điều 9.4)

Đối tượng chính phủ: Quốc gia

Liên pháp:
- Nghị định số 115/NĐ-CP ngày 5 Tháng 7 năm 2007
- Các biện pháp hành chính

Mô tả: Đầu tư

Không được đầu tư nước ngoài để cung cấp dịch vụ **đại lý tàu biển** trừ thông qua liên doanh hoặc mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam với phần vốn góp của bên nước ngoài không vượt quá 49%.



TÌNH HUỐNG SỐ 2

Một công ty trong nước đang cung cấp các dịch vụ sau:

- Lập tờ khai và hoàn thành thủ tục khai báo hải quan.
- Hoàn thành các thủ tục tại cảng và giao hàng/nhận hàng.
- Đóng hàng/rút hàng tại cảng.

Nhà đầu tư nước ngoài đến từ Ca-na-đa dự kiến đầu tư và mua lại doanh nghiệp trên và thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài. Nhà đầu tư này cũng dự kiến sẽ mang lao động nước ngoài vào Việt Nam, bao gồm ***toàn bộ Ban giám đốc và khoảng 50% lao động của doanh nghiệp.***

Vậy Cơ quan có thẩm quyền cấp phép **từ chối** cấp phép thành lập doanh nghiệp này là **đúng hay sai?**



HƯỚNG DẪN GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG SỐ 2

1

WTO, CPTPP

2

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan thuộc **dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa**;
- Phương thức cung cấp dịch vụ là **phương thức 3 và 4**.

3

- Đối với CPTPP: Chương 9-Đầu tư, Chương 10- Thương mại dịch vụ xuyên biên giới, **Danh mục NCM- Phụ lục I và II** (Tìm biểu cam kết của Việt Nam), Chương 12- Nhập cảnh tạm thời của khách kinh doanh (TE) và **Biểu cam kết cụ thể** của Việt Nam đối với Chương TE.
- Các từ khóa tra cứu là gì? – “**Tất cả các ngành**”, “**Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa**” tại **Danh mục NCM – Phụ lục I và II**; “**Nhà quản lý**”; “**Giám đốc điều hành**” tại Biểu cam kết về TE.



HƯỚNG DẪN GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG SỐ 2 BƯỚC 3

Định nghĩa:

Người di chuyển nội bộ doanh nghiệp bao gồm người quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia của doanh nghiệp của một Bên khác, đã thành lập hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam, di chuyển tạm thời trong nội bộ doanh nghiệp sang hiện diện thương mại này, và là những người đã được doanh nghiệp tuyển dụng trước đó ít nhất một năm. Để rõ ràng hơn,

(a) **Người quản lý và giám đốc điều hành** là những người chỉ đạo về cơ bản việc quản lý các doanh nghiệp đã thành lập hiện diện thương mại ở Việt Nam, chỉ chịu sự giám sát

Những người này sẽ được nhập cảnh và tạm trú trong thời gian ban đầu là ba năm và có thể được gia hạn tùy thuộc vào thời gian hoạt động của hiện diện thương mại đó ở Việt Nam.

Đối với bất kỳ hiện diện thương mại nào được doanh nghiệp của một Bên khác thành lập trên lãnh thổ Việt Nam, tối thiểu 20% tổng số người quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia phải là công dân Việt Nam. Tuy nhiên, cho phép ít nhất 3 người quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia không phải người Việt Nam.



TÌNH HUỐNG SỐ 3

Công ty SANKEO là siêu thị bán lẻ thực phẩm có 51% vốn của Nhật Bản tại Hải Phòng. Trong thời gian tới công ty này muốn bán thêm Gạo, Đường nhập khẩu từ Nhật Bản cho người tiêu dùng Việt Nam. Đồng thời, theo kế hoạch mở rộng chiến lược kinh doanh, Công ty chúng tôi định mở thêm cơ sở bán lẻ thứ 2, 3, 4 và 5 vào các năm 2020, 2022, 2024 và 2026 tại Quảng Ninh, Ninh Bình, Hưng Yên, Hải Dương.

Vậy công ty này **có thể xin đăng ký phân phối thêm 2 sản phẩm này tại Cơ quan có thẩm quyền cấp phép của Hải Phòng hay không?**

Đồng thời, công ty này **có thể đăng ký mở thêm các cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất tại Cơ quan có thẩm quyền cấp phép của 4 tỉnh nêu trên hay không?**



HƯỚNG DẪN GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG SỐ 3

1

- WTO, AJFTA, VJEPA, **CPTPP**

2

- Dịch vụ **phân phối**;
- Phương thức cung cấp dịch vụ là **phương thức 3**

3

- Đối với CPTPP: Chương 9-Đầu tư, Chương 10- Thương mại dịch vụ xuyên biên giới, **Danh mục NCM- Phụ lục I và II** (Tìm biểu cam kết của Việt Nam).
- Các từ khóa tra cứu là gì? – “**Tất cả các ngành**”, “**Dịch vụ phân phối**” tại Danh mục NCM – Phụ lục I và II;



HƯỚNG DẪN GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG SỐ 3

BƯỚC 3



Ngành:

Dịch vụ phân phối

Phân ngành:

Nghĩa vụ liên quan: Đối xử quốc gia (Điều 9.4)

Cấp chính phủ: Quốc gia

Biện pháp:

- Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2007
- Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17 Tháng 7 năm 2007
- Thông tư số 05/2008/TT-BCT ngày 14 Tháng 4 năm 2008
- Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21 tháng 5 năm 2007

Mô tả:

Đầu tư

Việc thành lập các cơ sở bán lẻ (ngoài cơ sở bán lẻ đầu tiên) sẽ được cho phép trên cơ sở kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT).

Việc xin phép thành lập nhiều hơn một cơ sở bán lẻ phải tuân thủ quy trình đã có và được công bố công khai và việc cấp phép phải dựa trên các tiêu chí khách quan. Các tiêu chí chính để kiểm tra nhu cầu kinh tế là số lượng các nhà cung cấp dịch vụ đang hiện diện trong một khu vực địa lý, sự ổn định của thị trường và quy mô địa lý.

Việc thành lập các cơ sở bán lẻ có diện tích dưới 500m² tại các khu vực đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố quy hoạch cho hoạt động mua bán hàng hoá và đã hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng, sẽ không phải kiểm tra nhu cầu kinh tế.

Năm năm sau khi Hiệp định TPP có hiệu lực, việc kiểm tra nhu cầu kinh tế sẽ bị bãi bỏ và bảo lưu này sẽ hết hiệu lực.

Activat
Go to Se



HƯỚNG DẪN GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG SỐ 3

BƯỚC 3



Ngành:

Dịch vụ phân phối

Phân ngành:

**Nghĩa
quan:**

vụ

liên

Đối xử quốc gia (Điều 9.4 và 10.3)

Mô tả:

Dịch vụ xuyên biên giới và đầu tư

- Việt Nam bảo lưu quyền áp dụng và duy trì bất kỳ biện pháp nào liên quan đến việc cung cấp qua biên giới:

- i) Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621, 61111, 6113, 6121)
- ii) Dịch vụ bán buôn (CPC 622, 61111, 6113, 6121)
- iii) Dịch vụ bán lẻ (CPC 631 + 632, 61112, 6113, 6121)⁴

đối với việc phân phối các sản phẩm không phải là sản phẩm phục vụ nhu cầu cá nhân hay chương trình phân mềm máy tính hợp pháp phục vụ nhu cầu cá nhân hay thương mại.

- Cho dù có các nội dung bảo lưu trên, liên quan đến việc phân phối các sản phẩm thuộc mã CPC 621, 622, và 632, Việt Nam bảo lưu quyền áp dụng và duy trì bất kỳ biện pháp nào liên quan đến dịch vụ xuyên biên giới và đầu tư các sản phẩm thuộc lá và xì gà ăn phẩm⁵, kim loại quý và đá quý, thuốc và được phẩm⁶, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến.

**Biện pháp
hành:**

hiện

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005
- Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 Tháng 2 năm 2007
- Luật Xuất bản sửa đổi số 19/2012/QH13
- Sửa đổi và bổ sung Luật Xuất bản số 12/2008/QH12 ngày 3 tháng 6 năm 2008;
- Nghị định số. 11/2009/NĐ-CP ngày 10 Tháng 2 năm 2009;
- Nghị định số. 110/2010/NĐ-CP ngày 6 Tháng 11 năm 2010;
- Thông tư số 02/2010/TT-BTTTT ngày 11 tháng 1 năm 2010

A
C

BỘ CÔNG THƯƠNG
VỤ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI ĐA BIÊN

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

Email: phuongntla@moit.gov.vn





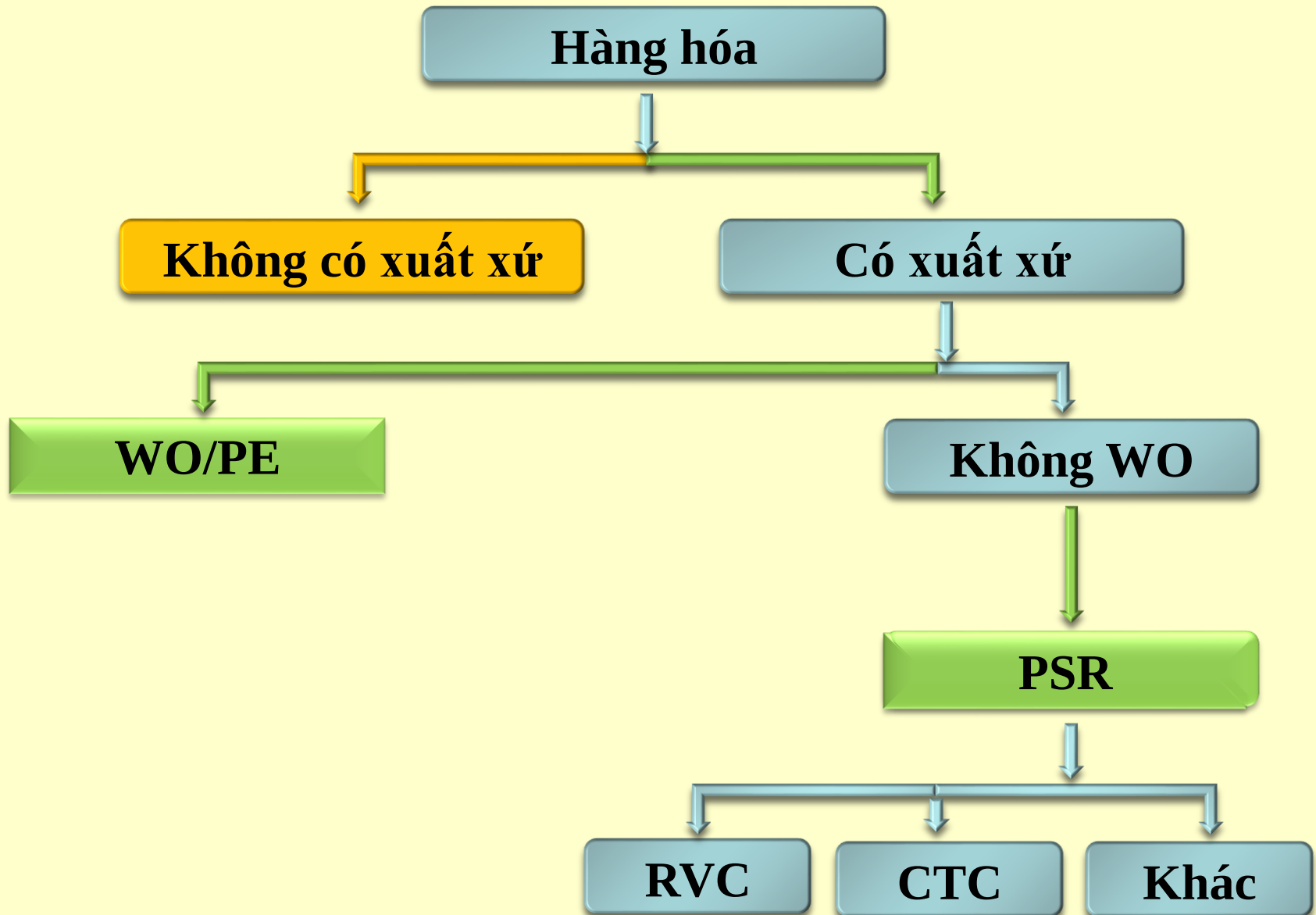
**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC XUẤT NHẬP KHẨU**

BÀI TẬP TÌNH HUỐNG ÁP DỤNG QUY TẮC XUẤT XỨ TRONG CPTPP

Hải Phòng - Tháng 5/2019



Áp dụng Quy tắc xuất xứ trong CPTPP





Áp dụng Quy tắc xuất xứ trong CPTPP

Xác định HS, xuất xứ của **Sầu riêng**?



Cây giống nhập
khẩu của Thái Lan



Trồng và thu hoạch tại
Việt Nam

0810.60





Áp dụng Quy tắc xuất xứ trong CPTPP

Ấu trùng
nhập khẩu của
Ấn Độ

Tôm, xác định:

- Mã HS?
- Thuế nhập khẩu vào Canada?
- Xuất xứ?



Nuôi ở Việt Nam

0306.17





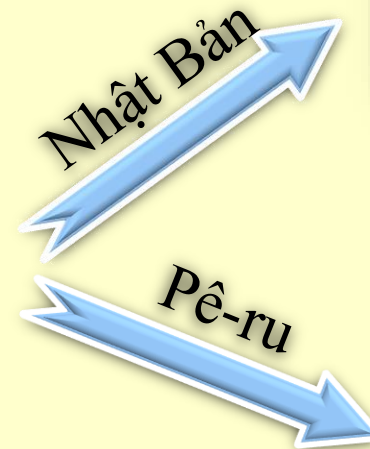
Áp dụng Quy tắc xuất xứ trong CPTPP



Cá thu (HS: 0303.42)
nhập khẩu của Đài Loan



Phi lê HS: 0304



Thức ăn nuôi cá
HS: 2301.20



Xác định HS, xuất xứ của - Phi lê cá?
- Thức ăn nuôi cá?

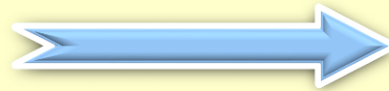


Áp dụng Quy tắc xuất xứ trong CPTPP

Xác định HS, xuất xứ của **Hạt điều rang muối**?



Điều thô (HS: 0801.31)
nhập khẩu của Bangladesh



Australia



(HS: 2008.19)



Áp dụng Quy tắc xuất xứ trong CPTPP

Xác định HS, xuất xứ của **Tôm bao bột** (HS 1605.29)



Tôm sú

(HS: 0306.17)

nhập khẩu Ấn Độ



Bột chiên

(HS: 2103.90)

SX trong nước



(HS 1605.29)



Áp dụng Quy tắc xuất xứ trong CPTPP

Xác định HS, xuất xứ của **Túi xách**?

Nguyên liệu	Mã HS	Xuất xứ
Da thuộc	41.07	Nhật Bản
Móc kim loại	83.08	Thái Lan
Khóa kéo	96.07	Trung Quốc



Made in Vietnam



(HS 4202.11)



Áp dụng Quy tắc xuất xứ trong CPTPP

Xác định HS, xuất xứ của Áo vét nam?

Nguyên liệu	Mã HS	Ghi chú
Sợi dệt vải	5405.00	Xe tại Trung Quốc
Vải chính	5408.22	dệt tại Nhật Bản
Chỉ may	5401.10	Trung Quốc
Nhãn mác	5807.90	Thái Lan
Cúc áo	9606.21	Trung Quốc



Cắt, may tại
Việt Nam



(HS 6203.12)



Áp dụng Quy tắc xuất xứ trong CPTPP

Xác định xuất xứ của Áo vét nam?

Nguyên liệu	Mã HS	Ghi chú
Sợi dệt vải	5405.00	xe tại Nhật Bản
Vải chính	5408.22	dệt tại Nhật Bản
Cắt thành mảnh tại Nhật Bản		
Chỉ may	5401.10	Trung Quốc
Nhãn mác	5807.90	Thái Lan
Cúc áo	9606.21	Trung Quốc



(HS 6203.12)



Áp dụng Quy tắc xuất xứ trong CPTPP

Xác định HS, xuất xứ của Áo vét nam?

Nguyên liệu	Mã HS	Xuất xứ
Vải chính	5407.10	Trung Quốc
Chỉ may	5401.10	Nhật Bản
Nhãn mác	5807.90	Thái Lan
Cúc áo	9606.21	Trung Quốc



Cắt, may tại
Việt Nam



Vải chính: Vải dệt thoi chéo 100% ni lông, chỉ số sợi 70 x 160 denier, 155 x 90 sợi/inch vuông, trọng lượng 115 g/m²

(HS 6203.12)



Áp dụng Quy tắc xuất xứ trong CPTPP

Xác định HS, xuất xứ của Giày thể thao?

Nguyên liệu	Mã HS	Xuất xứ	Trị giá
Vải giả da	5903.90	Trung Quốc	\$30
Chỉ may	5408.10	Trung Quốc	\$2
Nhãn mác	5807.90	Thái Lan	\$1
Cao su	4002.31	Trung Quốc	\$10
Mũi giày bằng da	6406.90	Bangladesh	\$2.5



Sản xuất tại
Việt Nam



Giá bán của Giày thể thao: 75\$

(HS 6404.11)



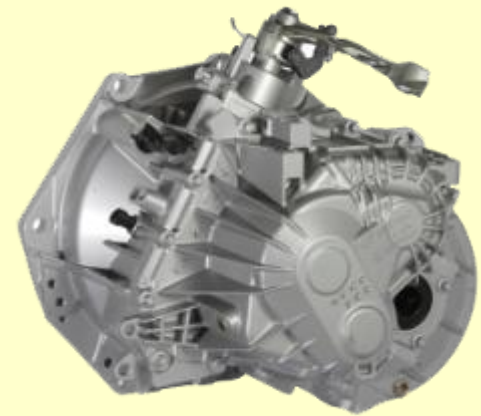
Áp dụng Quy tắc xuất xứ trong CPTPP

Xác định HS, xuất xứ của **Hộp số**?

Nguyên liệu	Mã HS	Xuất xứ	Trị giá
Linh kiện	8708.99	Đài Loan	\$300
Bu-lông và các chi tiết bằng thép	73.18	Trung Quốc	\$200
Cụm dây điện	85.44	Trong nước	\$100
Bản quyền thiết kế		Nhật Bản	\$150
Lương + Chi phí SX			\$150
Giá bán			\$1150

CTSH

Sản xuất tại
Việt Nam



(HS 8708.40)

RVC 21.7% BU

RVC 56.5% BD

RVC 33.3% NC



Áp dụng Quy tắc xuất xứ trong CPTPP

Xác định HS, xuất xứ của Cobalt monoxide?

Cobalt monoxide được sản xuất tại Nhật Bản qua một phản ứng hóa học từ cobalt hydroxide (HS 2822.00) nhập khẩu từ **Hoa Kỳ**.

Trị giá CIF nhập khẩu Cobalt hydroxide từ Hoa Kỳ vào Nhật Bản: **\$2,100.-/100 kg**

Giá xuất khẩu Cobalt monoxide từ Nhật Bản sang Việt Nam: **\$2,500.-/100 kg**



(HS 2822.00)



Hỏi vs Đáp

Phòng Xuất xứ hàng hóa
CỤC XUẤT NHẬP KHẨU – BỘ CÔNG THƯƠNG

54 Hai Bà Trưng, Hà Nội / Tel.: 024.2220 2468 hoặc 2220 5444
E-mail: co@moit.gov.vn